

**TÒA ÁN NHÂN DÂN
HUYỆN T – TP H**

-----***-----

Số: **528/2021/QĐST-HNGĐ**

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập – Tự do – Hạnh phúc**

-----***-----

T, ngày 22 tháng 11 năm 2021

**QUYẾT ĐỊNH
CÔNG NHẬN THUẬN TÌNH LY HÔN
VÀ SỰ THOẢ THUẬN CỦA CÁC ĐƯƠNG SỰ**

Căn cứ hồ sơ vụ án hôn nhân gia đình thụ lý số 549/2021/TLST-HNGĐ ngày 11 tháng 11 năm 2021, giữa:

* **Nguyên đơn**: Anh Nông Đình T, sinh năm 1988

HKTT và nơi cư trú: Thôn Y, xã L, huyện T, H

* **Bị đơn**: Chị Đặng Mỹ L, sinh năm 1993

HKTT và nơi cư trú: Thôn Y, xã L, huyện T, H

Căn cứ Điều 28; điểm a Khoản 1 Điều 39; Khoản 4 Điều 147; Điều 212 và Điều 213 Bộ luật Tố tụng dân sự năm 2015;

Căn cứ Điều 55, 57, 81, 82, 83 Luật Hôn nhân và gia đình năm 2014;

Căn cứ điểm a Khoản 1 Điều 24; điểm a Khoản 5 Điều 27 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án và điểm 1.1 phần II mục A Danh mục án phí, lệ phí Tòa án ban hành kèm theo Nghị quyết;

Căn cứ vào biên bản ghi nhận sự tự nguyện ly hôn và hoà giải thành ngày 12 tháng 11 năm 2021.

XÉT THẤY:

Việc thuận tình ly hôn và thoả thuận của các đương sự được ghi trong biên bản ghi nhận sự tự nguyện ly hôn và hoà giải thành ngày 12 tháng 11 năm 2021 là hoàn toàn tự nguyện và không vi phạm điều cấm của luật, không trái đạo đức xã hội.

Đã hết thời hạn 07 ngày, kể từ ngày lập biên bản ghi nhận sự tự nguyện ly hôn và hoà giải thành, không có đương sự nào thay đổi ý kiến về sự thoả thuận đó.

QUYẾT ĐỊNH:

1. Công nhận sự thuận tình ly hôn giữa:

Anh Nông Đình T và chị Đặng Mỹ L.

2. Công nhận sự thỏa thuận của các đương sự cụ thể như sau:

***Về hôn nhân:** Anh Nông Đình T và chị Đặng Mỹ L cùng thuận tình ly hôn.

***Về con chung:** Anh Nông Đình T và chị Đặng Mỹ L xác nhận có 02 (Hai) con chung là cháu Nông Đình N, sinh ngày 29/01/2016 và cháu Nông Đình Q, sinh ngày 07/01/2018.

Ghi nhận sự thỏa thuận của anh T và chị L: Giao cho anh T trực tiếp nuôi dưỡng cả hai con chung. Việc cấp dưỡng nuôi con, anh chị tự thỏa thuận không yêu cầu Tòa án giải quyết kể từ khi Quyết định ly hôn có hiệu lực pháp luật cho đến khi cháu N, cháu Q đủ tuổi trưởng thành (đủ 18 tuổi) hoặc đến khi có sự thay đổi khác.

Chị L có quyền, nghĩa vụ thăm nom con mà không ai được cản trở.

***Về tài sản chung và nhà đất chung:** Anh chị xác nhận không có, không yêu cầu Tòa án giải quyết nên Tòa án không xét.

***Về công nợ chung:** Anh chị xác nhận không có, không yêu cầu Tòa án giải quyết nên Tòa án không xét.

***Về án phí:** Anh Nông Đình T tự nguyện chịu cả số tiền 150.000 đồng án phí ly hôn sơ thẩm, được trừ vào số tiền tạm ứng án phí 300.000 đồng đã nộp theo Biên lai thu tạm ứng án phí số AA/2020/0062802 ngày 10/11/2021 tại Chi cục Thi hành án Dân sự huyện T, Thành phố H. Hoàn trả anh T 150.000 đồng (*Một trăm năm mươi nghìn đồng*).

3. Quyết định này có hiệu lực pháp luật ngay sau khi được ban hành và không bị kháng cáo kháng nghị theo thủ tục phúc thẩm.

Nơi nhận :

- Đương sự;
- Viện kiểm sát nhân dân H.T;
- Chi cục Thi hành án Dân sự H.T;
- UBND xã L, huyện T, H.;
- (Giấy chứng nhận kết hôn số 70/2015 ngày 30/9/2015);
- Lưu hồ sơ + Văn phòng.

Thẩm phán

Lê Huyền Thu

